

# MẤY NÉT VỀ ĐIỀU TRA CHĂN NUÔI Ở NHẬT BẢN

Nguyễn Hoà Bình

Trong nội dung hệ thống chỉ tiêu điều tra thống kê chăn nuôi hàng năm ở Nhật Bản tập trung vào thu thập thông tin 4 nhóm chỉ tiêu sau:

- Nhóm chỉ tiêu thứ nhất: phản ánh các thông tin về số hộ chăn nuôi theo từng loại vật nuôi; số lao động chăn nuôi; số cơ sở chuồng trại chăn nuôi, diện tích đồng cỏ và trang bị cơ sở vật chất, thiết bị máy móc phục vụ chăn nuôi.

- Nhóm chỉ tiêu thứ hai: phản ánh kết quả sản xuất chăn nuôi thể hiện qua các chỉ tiêu về số lượng đầu con và sản phẩm chăn nuôi sản xuất trong từng thời kỳ (tháng, quý, năm).

- Nhóm chỉ tiêu thứ ba: phản ánh thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi trong nước (qua hệ thống chợ đầu mối bán buôn và bán lẻ), xuất nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi và giá cả các loại sản phẩm chăn nuôi chủ yếu (thịt trâu, bò, lợn, gia cầm; trứng gia cầm, sữa tươi và sữa thành phẩm các loại) tiêu thụ trên thị trường.

- Nhóm chỉ tiêu thứ tư: phản ánh hiệu quả kinh tế tổng hợp trong ngành chăn nuôi như: giá trị sản xuất, chi phí trung gian, giá trị tăng thêm, thu nhập và mức tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi bình quân đầu người,...

Để đáp ứng nhu cầu thông tin về chăn nuôi, Bộ Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản đã tiến hành rất nhiều cuộc điều tra chọn mẫu hàng năm cho các loại gia súc, gia cầm vào thời điểm và thời gian điều tra khác nhau và điều tra đến từng loại (trâu, bò, lợn, gà, vịt,...) theo danh sách hộ chăn nuôi

được lập; thậm chí trong điều tra đàn gà: để ước lượng sản lượng trứng gà và tính sản lượng thịt gà sản xuất trong năm cũng tiến hành lập danh sách điều tra riêng đàn gà để trứng và đàn gà thịt. Trong kế hoạch hướng dẫn điều tra chăn nuôi hàng năm của Nhật Bản có nêu: điều tra chăn nuôi được tiến hành theo từng loại với một danh sách trang trại chăn nuôi được chuẩn bị. Nếu một hộ nuôi hơn một loại gia súc thì đều có tên trong các danh sách điều tra mỗi loại. Danh sách hộ chăn nuôi từng loại được dựa vào kết quả Tổng điều tra nông nghiệp kỳ gần nhất thực hiện theo chu kỳ 5 năm 1 lần, tuy nhiên để phản ánh chính xác danh sách trang trại chăn nuôi hàng năm trong bước chuẩn bị trên cơ sở danh sách đã có được rà soát, kiểm tra lại theo các hợp đồng chăn nuôi trang trại đã ký kết với các tổ chức liên quan (do Nhật Bản là nước thực hiện chính sách trợ giá nông sản cho nông dân theo hợp đồng sản xuất được ký từ đầu năm, trong năm thực hiện hợp đồng nông dân còn được nhận thêm một khoản tiền trợ cấp nông nghiệp từ phía Nhà nước). Theo phương án qui định vào ngày 1 tháng 2 hàng năm tiến hành điều tra đàn bò sữa, bò thịt, lợn, gà để trứng theo danh sách trang trại chăn nuôi từng loại riêng; cứ 3 năm 1 lần mới tiến hành điều tra số lượng đàn ngựa, dê, cừu. Vào thời điểm điều tra đầu năm chỉ điều tra số đầu con và loại hình các trang trại chăn nuôi. Vào thời điểm điều tra ngày 1 tháng 8 vừa điều tra số lượng đầu con vừa điều tra và tính toán suy rộng sản lượng sản phẩm chăn nuôi sản xuất trong năm điều tra. Riêng sản lượng sữa tươi sản xuất, sản phẩm sữa

thành phẩm đã chế biến từ sữa (sữa hộp, sữa bột, bơ, pho mát,...) được tổ chức điều tra hàng tháng từ người nuôi và các nhà máy chế biến sữa. Hình thức điều tra chăn nuôi có 3 loại sau: bằng điện thoại, gửi thư và điều tra viên phỏng vấn trực tiếp chủ hộ.

Điều tra thống kê chăn nuôi ở Nhật Bản hàng năm do Bộ Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản chỉ đạo, dưới cấp Trung ương là thống kê cấp vùng (bao gồm một số tỉnh), dưới cấp thống kê vùng là cấp thống kê (tạm gọi là thống kê cấp 3) nhỏ hơn (không thống kê theo đơn vị hành chính cấp tỉnh và huyện). Hầu như tất cả các cuộc điều tra thống kê đều do đơn vị thống kê dưới cấp vùng này đảm nhận và cấp này được chọn làm địa bàn lập danh sách, xác định cỡ mẫu và chọn hộ mẫu điều tra cũng như tiến hành trực tiếp điều tra.

Việc phân vùng điều tra để chọn hộ mẫu ở Nhật Bản cũng rất phức tạp không giống nhau giữa các loại gia súc, gia cầm. Nhìn chung không lấy điều kiện địa lý, khí hậu thời tiết,... và những vùng địa lý sẵn có để lập danh sách, chọn hộ mẫu. Mà lấy qui mô chăn nuôi của trang trại, loại hình chăn nuôi lớn nhỏ, mục đích chăn nuôi,... để phân thành các vùng (tầng) điều tra.

Ví dụ: Điều tra đàn bò sữa hàng năm ở Nhật Bản được phân chia thành 3 vùng như sau:

- Vùng đặc biệt
- Vùng chăn nuôi chung
- Vùng chăn nuôi có quy mô lớn

Vùng đặc biệt được giải thích gồm những hộ chăn nuôi bò sữa không vì mục đích lợi nhuận như: chăn nuôi ở các trường học, Viện nghiên cứu có đặc điểm khác với

những người chăn nuôi thông thường nên được xếp thành một loại riêng và điều tra toàn bộ các hộ này.

Vùng chăn nuôi có qui mô lớn được giải thích gồm những hộ chăn nuôi lớn hơn loại chung có qui mô chăn nuôi từ 80 bò lớn trở lên được xếp thành một loại riêng và cũng điều tra toàn bộ các hộ này.

Vùng chăn nuôi chung còn được phân thành 2 loại: Loại nhỏ là loại chỉ toàn nuôi bê con hoặc chỉ nuôi từ 4 con bò lớn trở xuống và loại trung bình; loại trung bình lại được chia thành 2 loại: loại nuôi từ 5 đến 39 con bò lớn và loại nuôi từ 40 đến 79 con bò lớn (bò lớn là bò từ 2 năm tuổi trở lên). Vùng chăn nuôi chung được tiến hành lập danh sách các trang trại theo 2 loại qui mô chăn nuôi nêu trên, xác định cỡ mẫu cho từng loại: loại nhỏ điều tra cỡ mẫu 12,31%, loại trung bình thứ nhất cỡ mẫu 7,85% và loại trung bình thứ hai cỡ mẫu 10,72% và chọn trang trại mẫu theo phương pháp chọn ngẫu nhiên theo khoảng cách thuộc từng loại để điều tra. Phương pháp điều tra loại đặc biệt và loại lớn bằng hình thức điện thoại còn loại chung điều tra mẫu bằng hình thức cán bộ điều tra đến phỏng vấn trực tiếp chủ trang trại. Toàn bộ các bước phân vùng, lập danh sách trang trại chăn nuôi ở Nhật Bản đều do hệ thống máy tính với phần mềm cài đặt sẵn tính toán cỡ mẫu cần thiết cũng như chọn ra những hộ mẫu cần điều tra ứng với những dữ kiện về qui mô tổng thể từng tầng, sai số chọn mẫu, độ tin cậy và chi phí cần thiết điều tra.

Nội dung điều tra chăn nuôi ở Nhật Bản bao gồm nhiều chỉ tiêu và phân tổ khá chi tiết. Ví dụ:

Điều tra chăn nuôi đàn bò sữa được phân tổ:

Bò cái đang có sữa

Bò cái hết sữa

Bò cái tơ

Bò cái 1 đến dưới 2 năm

Bò đực giống

Bê con.

Điều tra đàn lợn được phân tổ:

Lợn nái sinh sản

Lợn đực giống

Lợn sữa

Lợn thịt từ 6 tháng trở lên

Lợn thịt dưới 6 tháng ■

Tài liệu sử dụng: “Livestock survey in Japan” - Ministry of Agriculture, Forestry and Fishery of Japan.

---